

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa,
Q. Đống Đa, Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III/2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2016**

Cho giai đoạn từ ngày 01/07/2016 đến 30/09/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, P. O Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

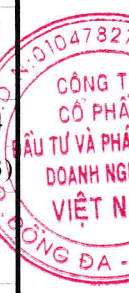
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		258.674.732,321	173,757,496,078
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.062.786,741	58,804,766,138
1. Tiền	111		3.062.786,741	3,804,766,138
2. Các khoản tương đương tiền	112			55.000.000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.958.414,043	83,209,636,483
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		10.904.414,043	25,256,709,678
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		174.054.000,000	42,231,816,056
IV. Hàng tồn kho	140		16,555.104,120	31,425,825,607
1. Hàng tồn kho	141		16,555.104,120	31,425,825,607
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.098.427,417	317,267,850
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	223,071,359
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		88,405,167	94,196,491
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		54,010,022,250	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4,292,935,220	6,727,116,028
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4,120,426,676	6,473,675,721
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4,120,426,676	6,473,675,721
- nguyên giá	222		5,320,403,637	8,097,140,214
- giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,199,976,961)	(1,623,464,493)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251			
V. Tài sản dài hạn khác	260		169,810,956	253,440,307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		169,810,956	253,440,307
VI. Lợi thế thương mại	269		2,697,588	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		262,967,667,541	180,484,612,106
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11,107,213,000	39,812,792,200
I. Nợ ngắn hạn	310		11,107,213,000	39,458,784,200
2. Phải trả người bán ngắn hạn	311		11,092,295,500	30,901,526,355
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	1,157,407,740
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		0	4,911,609,468
5. Phải trả người lao động	314			538,999,148
6. Chi phí phải trả	316			-
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-



9. Phải trả ngắn hạn khác	319	14,917,500	182,474,731
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		1,766,766,758
II. Nợ dài hạn	330	-	354,008,000
4. Vay và nợ dài hạn	338	-	354,008,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	251,860,454,541	140,671,819,906
I. Vốn chủ sở hữu	410	251,860,454,541	140,671,819,906
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	219,999,980,000	109,999,990,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A	219,999,980,000	109,999,990,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	(149,090,909)	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17,009,865,182	18,160,936,513
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A	17,077,818,757	3,612,928,032
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B	(67,953,575)	14,548,008,481
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		14,999,700,268	12,510,893,393
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	262,967,667,541	180,484,612,106

Ngày 28 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Hưng

Phạm Đình Dương

Đặng Kim Khoa



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III/2016

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thu yết min	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý III	
			Năm nay	Năm Trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11,163,889,130	22,352,356,456	77,612,741,433	96,872,772,588
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11,163,889,130	22,352,356,456	77,612,741,433	96,872,772,588
4. Giá vốn hàng bán	11		10,351,550,584	18,164,213,392	75,691,489,032	85,924,372,726
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		812,338,546	4,188,143,064	1,921,252,401	10,948,399,862
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,829,548	6,779,923	4,315,361,444	6,021,280,205
7. Chi phí tài chính	22			13,560,491		40,734,402
- trong đó: chi phí lãi vay	23			13,560,491		20,173,937
8. Chi phí bán hàng	24		136,597,000	287,984,000	455,073,500	898,580,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		446,807,239	876,662,199	1,558,113,780	2,981,892,402
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		231,763,855	3,016,716,297	4,223,426,565	13,048,473,263
11. Thu nhập khác	31			50,000,000	15,025,646	50,000,000
12. Chi phí khác	32		299,717,430	49,999,999	958,143,448	384,192,454
13. Lợi nhuận khác	40		(299,717,430)	1	(943,117,802)	(334,192,454)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-67,953,575	3,016,716,298	3,280,308,763	12,714,280,809
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	663,677,586	-	2,850,900,306
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-67,953,575	2,353,038,712	3,280,308,763	9,863,380,503
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	189,169,411	-	568,796,642
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Cty mẹ	62		(67,953,575)	2,163,869,301	3,280,308,763	9,294,583,861
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(3)	216	149	929

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hưng

Kế toán trưởng



Phạm Đình Dương

Ngày 28 tháng 12 năm 2016

Tổng Giám đốc



Đặng Kim Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ báo cáo : từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	01	3,280,308,763	12,714,280,809
Khấu hao TSCĐ	02	282,811,210	809,644,035
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4,312,531,896)	(6,021,280,205)
Chi phí lãi vay			40,734,402
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lư	08	(749,411,923)	7,543,379,041
Tăng giảm các khoản phải thu	09	(155,758,799,810)	13,478,191,497
Tăng giảm hàng tồn kho	10	14,500,093,987	(11,004,959,149)
Tăng giảm các khoản phải trả	11	(28,561,023,832)	19,035,132,391
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(36,684,041)
Tiền lãi vay đã trả			(40,734,402)
Thuế TNDN đã nộp	14	(1,462,605,956)	(2,102,911,783)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		30,502,677,914	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(23,523,836,710)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(165,052,906,330)	26,871,413,554
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn k	21	(30,818,182)	-
Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(14,500,000,000)
Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	17,500,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12,183,595	6,021,280,205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18,634,587)	9,021,280,205
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	109,999,990,000	
Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được			684,824,395
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(87,596,820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	109,999,990,000	597,227,575
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(55,071,550,917)	36,489,921,334
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	58,134,337,658	2,680,911,790
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3,062,786,741	39,170,833,124

Ngày 28 Tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Hưng

Phạm Đình Dương

Đặng Kim Khoa

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý III Năm 2016

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104782792 ngày 03/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Lần 1: Bổ sung ngành nghề kinh doanh	26/07/2011
Lần 2: Bổ sung ngành nghề kinh doanh	09/08/2012
Lần 3: Bổ sung ngành nghề kinh doanh	05/10/2012
Lần 4: Tăng vốn và bổ sung ngành nghề kinh doanh	07/04/2014
Lần 5: Địa chỉ trụ sở chính	29/05/2015
Lần 6: Bổ sung vốn điều lệ	03/11/2015
Lần 7: Tăng vốn	31/05/2016

Hoạt động chính của Công ty là: Xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình dân dụng; phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng; buôn bán vật liệu, thiết bị trong ngành xây dựng; khai thác quặng sắt; khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; khai thác quặng kim loại quý hiếm; buôn bán ô tô xe cơ giới, máy móc thiết bị; buôn bán quặng kim loại; hàng nông sản; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Tư vấn đầu tư giá môi giới bất động sản; trồng rừng và chăm sóc rừng; môi giới đầu tư; nghiên cứu thị trường thăm dò dự luận...

Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 5 tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có 2 Công ty con tại thời điểm 30/09/2016. Thông tin về Công ty con như trình bày tại thuyết minh số V.7.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do nhà nước đã ban hành. Các BCTC được lập và trình bày theo đúng quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

Nợ phải thu quá hạn thanh toán:

	<u>Mức trích lập dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Nợ phải thu khác:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định hiện hành.

Số năm

Máy móc thiết bị

5-10

Phương tiện vận tải

6-10

5. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Phần vốn góp của Công ty trong cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Phần vốn góp của Công ty trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Tài sản do Công ty kiểm soát và các khoản nợ phải trả mà Công ty

phải gánh chịu; (ii) Chi phí phải gánh chịu và doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Phần vốn góp của Công ty trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh tài sản được đồng kiểm soát được ghi nhận trong các báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản; (ii) Các khoản nợ phải trả phát sinh

riêng của Công ty; (iii) Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác; (iv) Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh; (v) Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt	3.053.905.571	2.792.108.430
Tiền gửi ngân hàng	8.881.170	342.229.228
Các khoản tương đương tiền	-	55.000.000.000
Cộng	<u>3.062.786.741</u>	<u>58.134.337.658</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Công ty TNHH Công nghệ Thông Tin và Truyền Thông Gtel		2.507.352.400
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Luyện Kim Màu	-	12.526.973.012
Công ty Cổ Phần Thương Mại và Đầu Tư VCI Việt Nam	-	2.295.423.064
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hitechcons Việt Nam	-	0
Công ty CP đầu tư PSP Việt Nam	10.904.414.043	0
Các khoản phải thu khách hàng khác	0	2.226.158.550
Cộng	<u>10.904.414.043</u>	<u>19.555.907.026</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ông Trần Đức Hòa	42.000.000.000	42.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	132.054.000.000	136.867.500
Cộng	<u>174.054.000.000</u>	<u>42.136.867.500</u>

3b. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng cá nhân:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Nguyễn Thanh Tùng	12.000.000.000	0
Nguyễn Văn Thanh	10.500.000.000	0
Nguyễn Thanh Tú	10.500.000.000	0
Đặng Kim Khoa	5.000.000.000	0
Các đối tượng khác	16.010.022.250	0
Cộng	54.010.022.250	0

4. Hàng tồn kho

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Hàng hóa	16.555.104.120	15.431.506.540
Cộng	16.555.104.120	15.431.506.540

5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	3.960.000.000	1.329.585.455	105.332.637	5.394.918.092
Mua trong năm	30.818.182			30.818.182
Số giảm trong năm			(105.332.637)	(105.332.637)
- Giảm khác			(105.332.637)	(105.332.637)
Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối kỳ	<u>3.990.818.182</u>	<u>1.329.585.455</u>	<u>-</u>	<u>5.320.403.637</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	594.000.000	180.048.024	-	774.048.024
Khấu hao trong kỳ	301.280.305	124.648.632	-	425.928.937
Số giảm trong năm			-	-
- Giảm khác			-	-
Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối kỳ	<u>895.280.305</u>	<u>304.696.656</u>	<u>-</u>	<u>1.199.976.961</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	3.366.000.000	1.149.537.431	-	4.515.537.431
Tại ngày cuối kỳ	<u>3.095.537.877</u>	<u>1.024.888.799</u>	<u>-</u>	<u>4.120.426.676</u>

6. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	85.954.972	141.313.819
Chi phí thuê nhà	67.005.000	81.686.103
Các khoản khác	16.850.984	30.440.385
Cộng	169.810.956	253.440.307

7. Đầu tư vào Công ty Con

	<u>30/09/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cộng				

Thuyết minh bổ sung về các công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

	<u>Phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</u>		
Công ty CP BĐS An Hưng	90%	90%		
Thời điểm hình thành Công ty con: ngày 30/09/2016				
8. Các khoản phải trả người bán	30/09/2016	01/01/2016		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Gia Lai	-	16.376.917.194		
Công ty Cổ Phần Khai Thác và Chế Biến Khoáng Sản Yên Bái	-	3.830.904.000		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Thành	10.586.809.750	0		
Phải trả người bán khác	505.485.750	1.018.414.169		
Cộng	11.092.295.500	21.226.235.363		
9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/09/2016	01/01/2016		
Thuế giá trị gia tăng	-	-		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	3.734.599.208		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-		
Cộng	0	3.734.599.208		
10. Vốn chủ sở hữu				
	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
NĂM TRƯỚC				
Số đầu năm trước	100.000.000.000		13.138.371.719	113.138.371.719
Tăng vốn trong năm trước từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	9.999.990.000		(9.999.990.000)	-
Lãi trong năm trước	-		12.201.012.690	12.201.012.690
Số dư cuối năm trước	109.999.990.000		15.339.394.409	125.339.384.409
NĂM NAY				
Số dư tại ngày 01/01/2016	109.999.990.000		15.339.394.409	125.339.384.409
Tăng vốn trong năm	109.999.990.000		3.737.465.532	113.737.455.532
Giảm khác (Chi phí phát hành)		(149.090.909)		(149.090.909)
Giảm trong năm từ phân phối lợi nhuận	-		(1.609.837.206)	(1.609.837.206)
Số dư tại ngày 30/09/2016	219.999.980.000	(149.090.909)	17.467.022.735	237.317.911.826
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Do thời điểm hình thành Cty con An Hưng vào ngày 30/09/2016 nên BC kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất không bao gồm số liệu Công ty An Hưng)				
1. Doanh thu				
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	
Doanh thu bán hàng hóa		9.913.103.675	20.011.183.616	
Doanh thu cung cấp dịch vụ		1.250.785.455	-	
		11.163.889.130	20.011.183.616	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.624.372.500	16.599.275.992
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	277.178.084	-
	10.351.550.584	16.599.275.992
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.829.548	6.444.724
Cổ tức được nhận từ Công ty Con	-	-
Cộng	2.829.548	6.444.724
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp	446.807.239	608.600.797
5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	136.597.000	287.984.000

VI. THÔNG TIN KHÁC**1. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

3. Báo cáo bộ phận

Công ty không thực hiện trình bày Báo cáo bộ phận.

4. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

4.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

4.2. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

4.2.1 Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VNĐ và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

4.2.2 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

4.2.3 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

4.2.4 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

4.2.5 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.



Đặng Kim Khoa
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 12 năm 2017

Phạm Đình Dương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hưng
Người lập biểu

PHI